CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Cầu đường CII

Ngày 31/03/2025	69,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.1%	**1.6%**	**12.3%**

DT thuần
Q1/25
635
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 3.2%
YoY: ▼35.0| -5.2%

LN thuần
Q1/25
222
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 77.0| 52.9%
YoY: ▲ 21.0| 10.3%

LN sau thuế
Q1/25
210
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 58.0| 38.2%
YoY: ▲ 19.0| 10.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
70.9%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE (TTM)
Q1/25
10.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

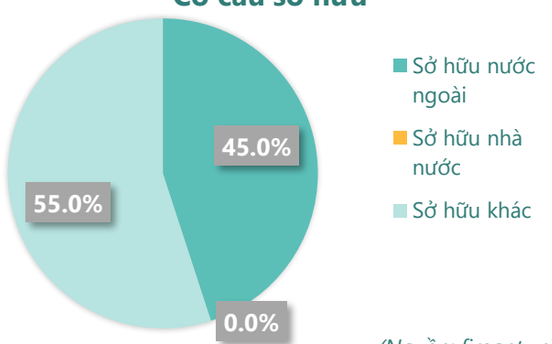
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	54,922 - 69,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,403
Số lượng CPLH (CP)	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	45.0%
Beta	
EPS	2,916
P/E	23.8

DT thuần
2024
2,504
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 907| 56.8%

LN thuần
2024
825
tỷ VNĐ
YoY: ▼142| -14.7%

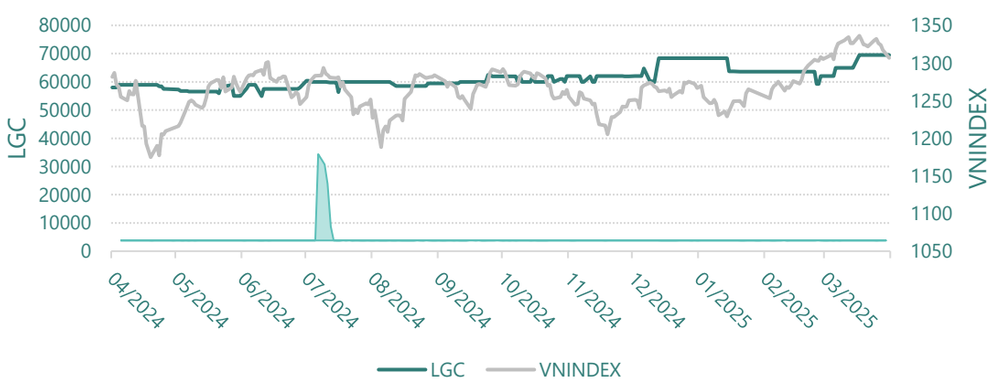
LN sau thuế
2024
792
tỷ VNĐ
YoY: ▼135| -14.6%

Cơ cấu sở hữu

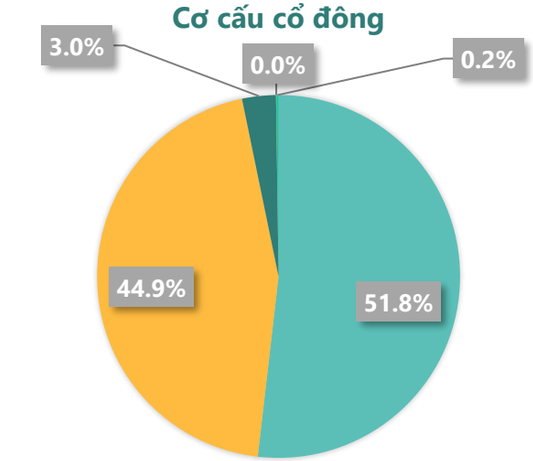


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



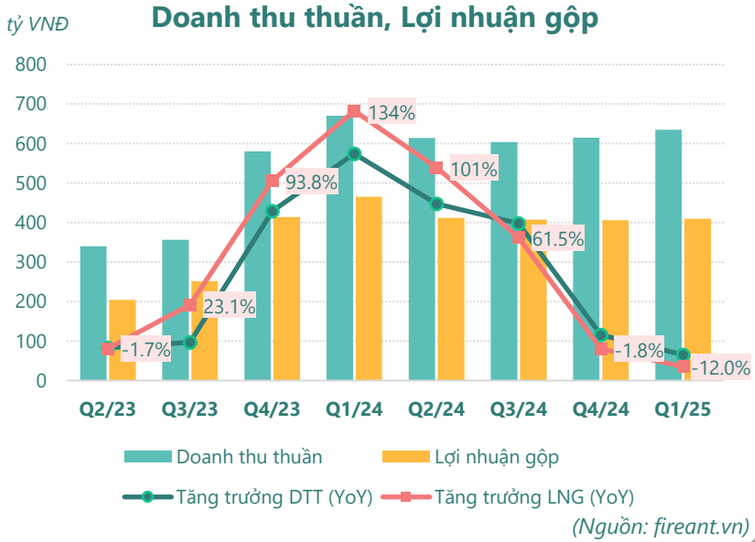
Cơ cấu cổ đông



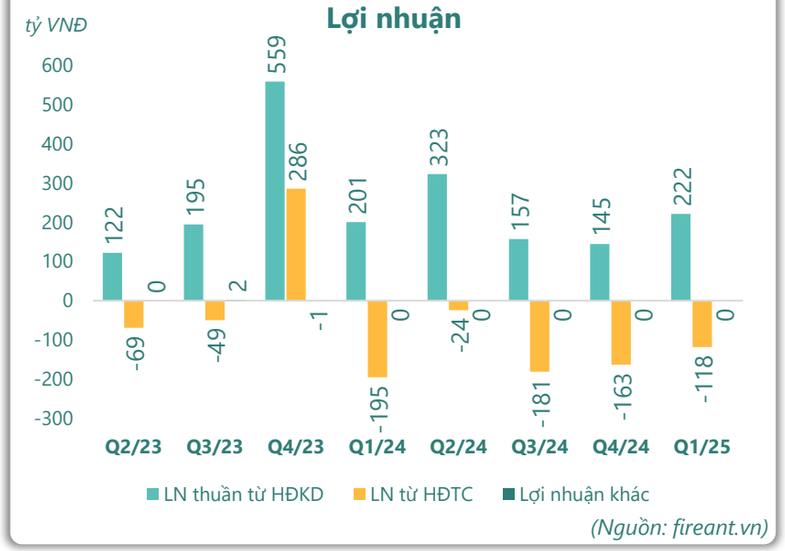
- CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
- Metro Pacific Investments Corporation
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII
- Trần Ngọc Tiến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

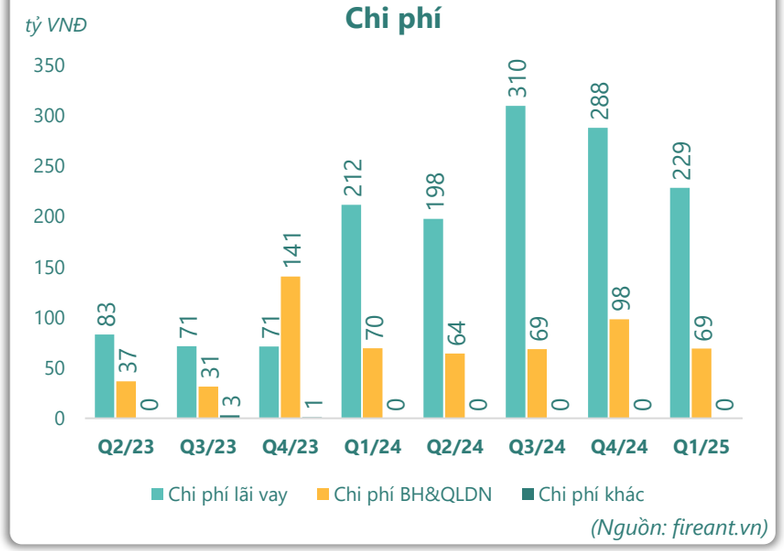
KẾT QUẢ KINH DOANH



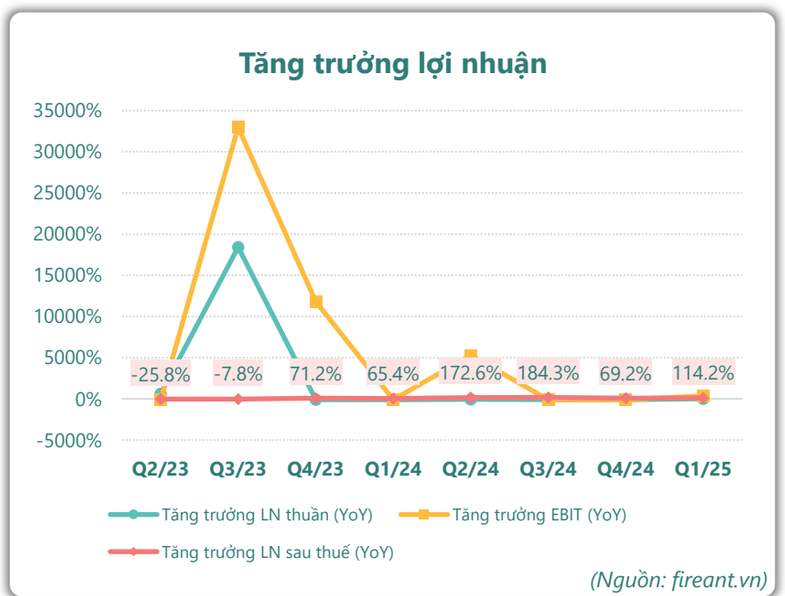
(Nguồn: fireant.vn)



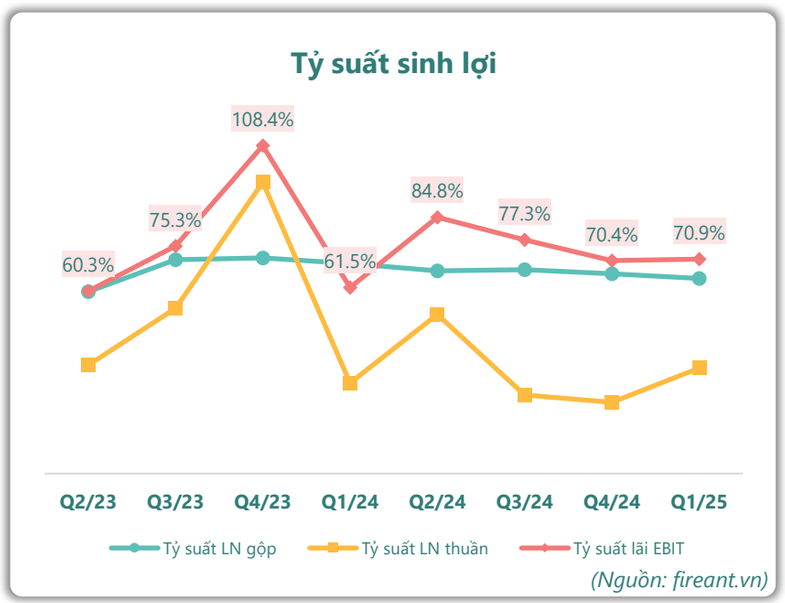
(Nguồn: fireant.vn)



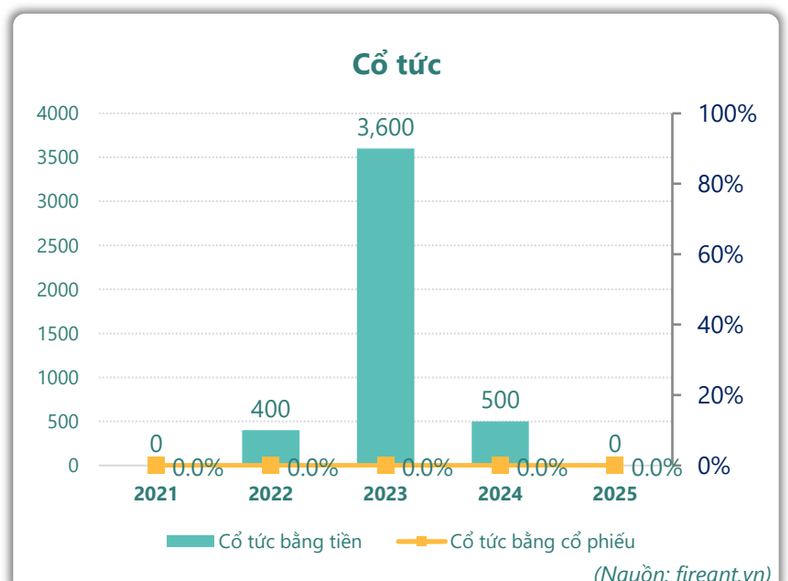
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



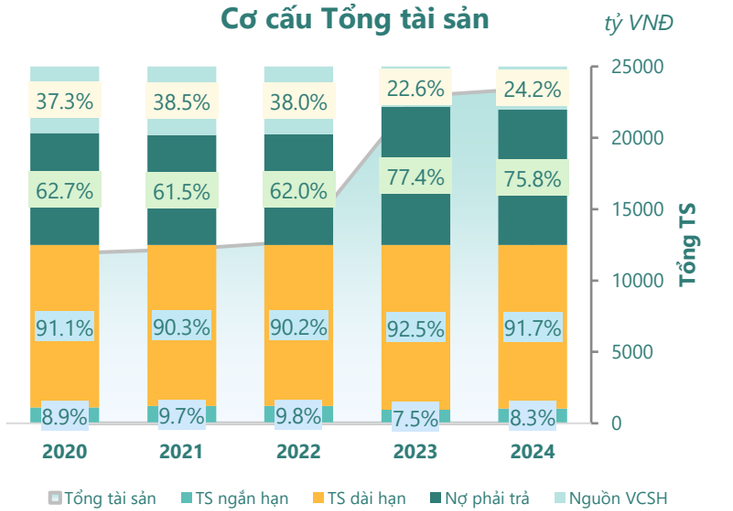
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

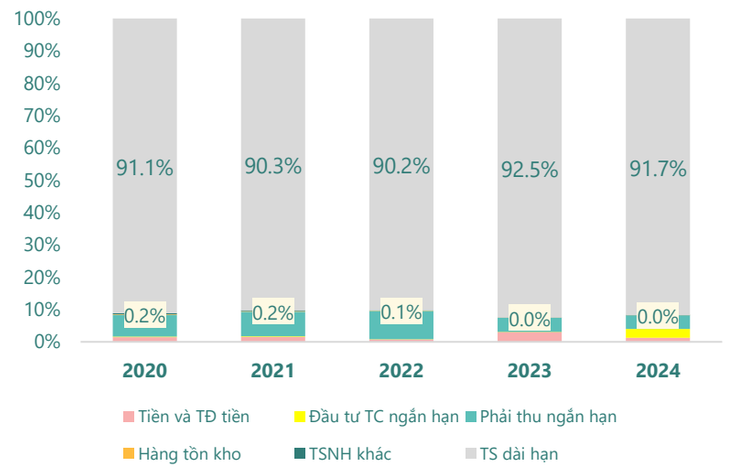
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



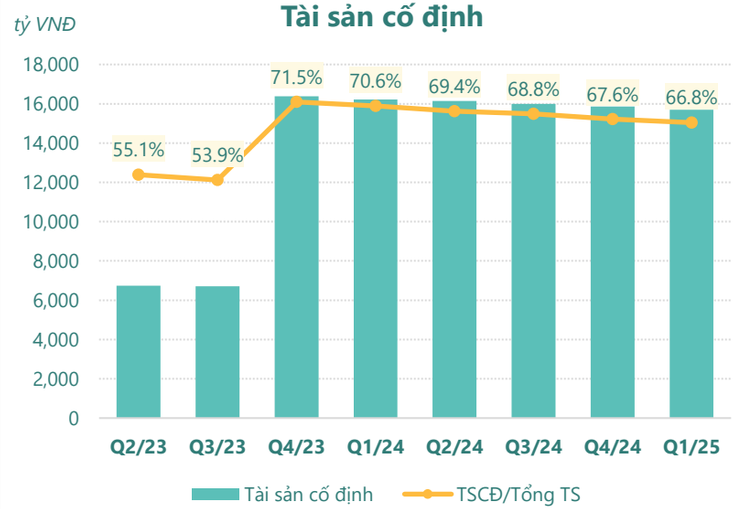
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



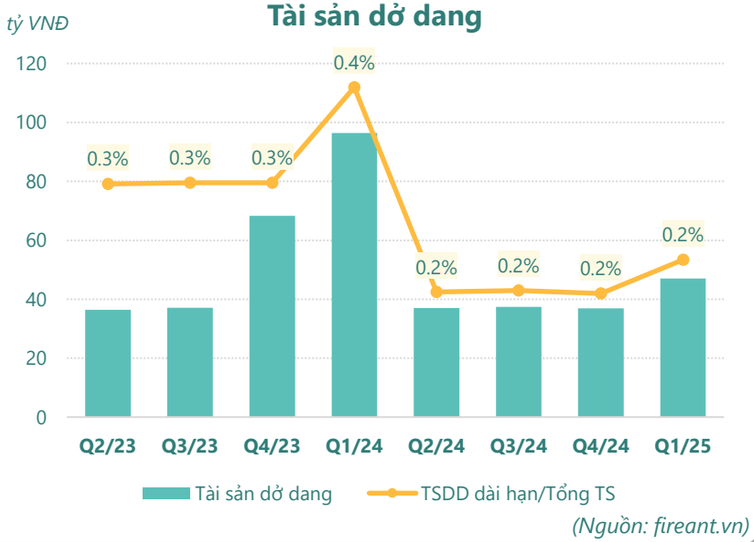
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



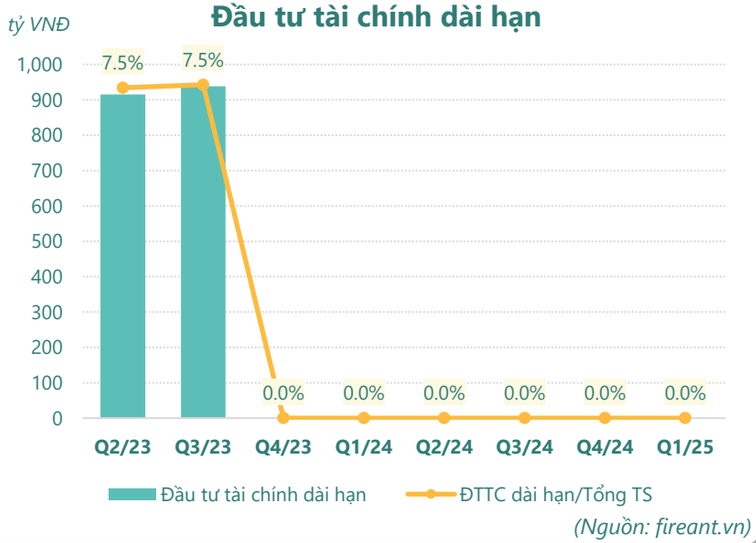
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



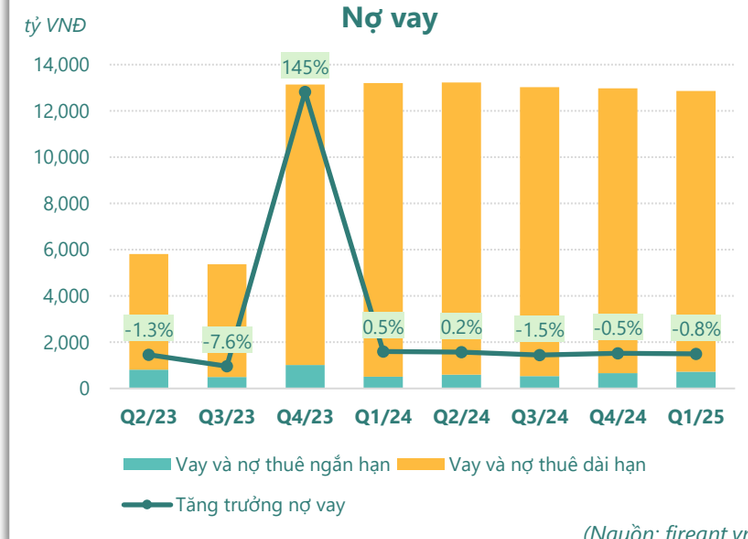
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

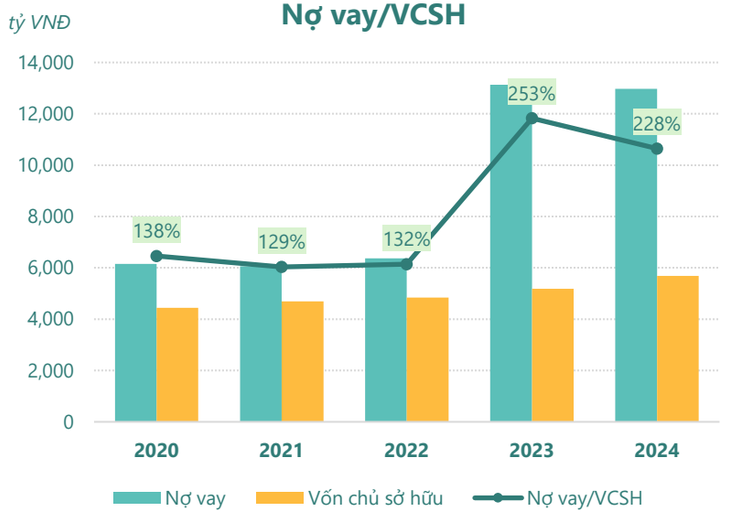
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

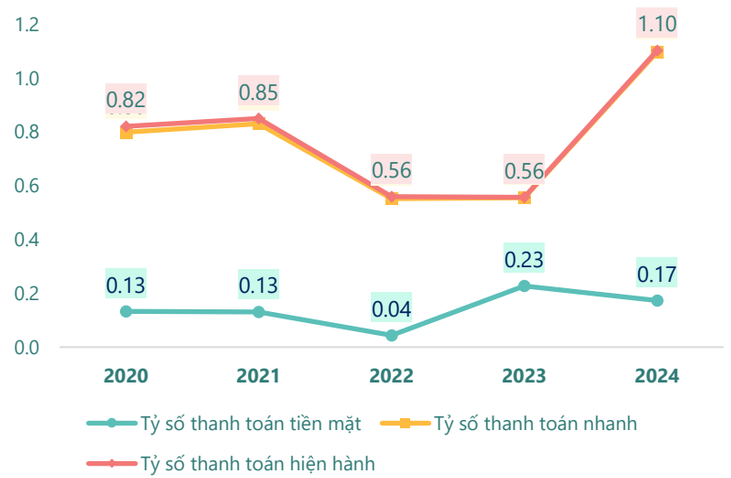
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



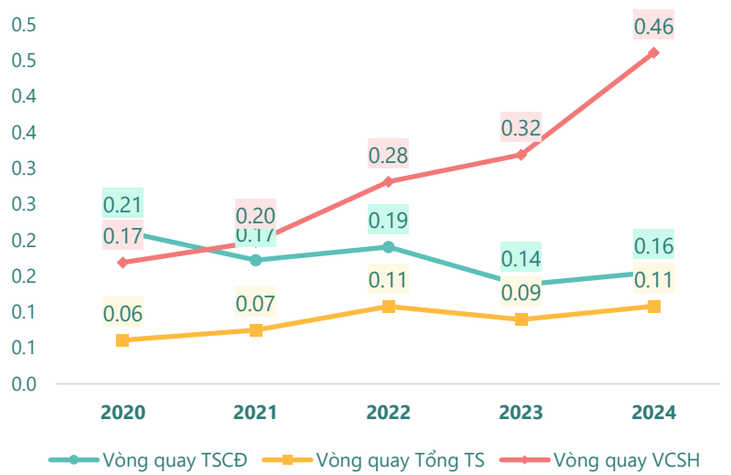
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



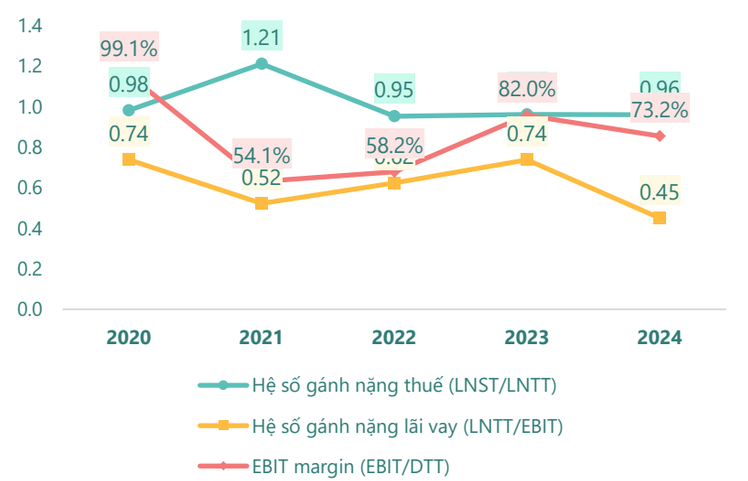
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



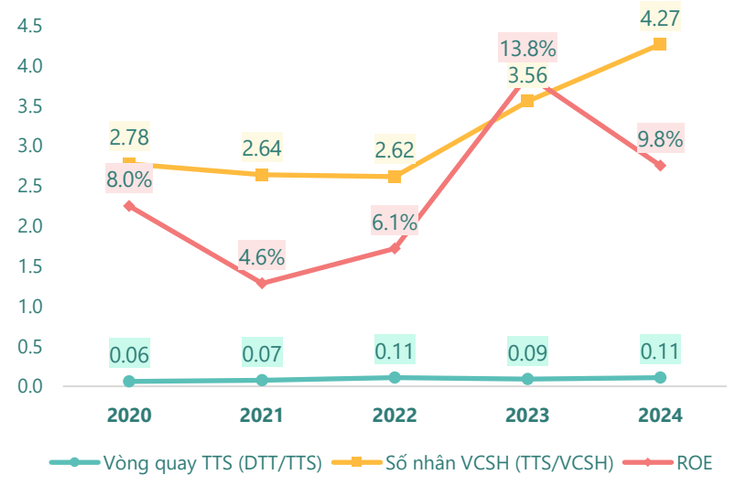
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



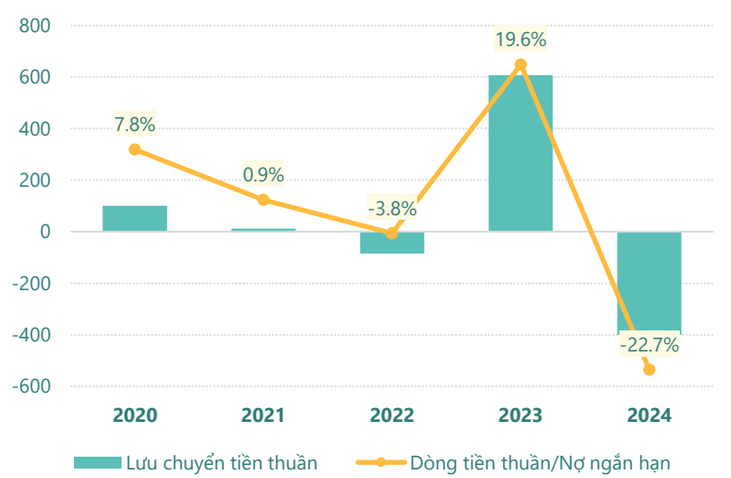
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**635**	**670**	**-5.2%**	**2,504**	**1,597**	**56.8%**
Giá vốn hàng bán	226	205	10.0%	814	527	54.5%
Lợi nhuận gộp	409	465	-12.0%	1,690	1,070	57.9%
Doanh thu HĐTC	113	20.4	452%	455	418	8.7%
Chi phí TC	231	216	7.0%	1,019	345	195%
Chi phí lãi vay	229	212	7.9%	1,008	344	193%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**69.6**	**-100%**
Chi phí bán hàng	30.4	34.5	-11.9%	124	115	8.3%
Chi phí QLDN	**38.8**	**35.0**	**10.8%**	**176**	**131**	**34.4%**
LN thuần từ HĐKD	222	201	10.3%	825	967	-14.7%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-0.02**	**-337%**	**-0.27**	**-1.63**	**83.4%**
LN trước thuế	222	201	10.3%	825	965	-14.6%
Lợi nhuận sau thuế	**210**	**191**	**10.0%**	**792**	**927**	**-14.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**155**	**125**	**24.3%**	**532**	**692**	**-23.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	249	73.7	158	204	156
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-618	-633	462	-396	-268	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,071	31.0	7.96	-248	-42.1	-158
Tiền đầu kỳ	111	705	352	896	411	305
Lưu chuyển tiền thuần	**594**	**-353**	**544**	**-485**	**-105**	**-20.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	705	352	896	411	305	285

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23,482**	**23,464**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,916	1,943	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	285	305	-6.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	674	624	8.0%
Phải thu ngắn hạn	940	992	-5.3%
Hàng tồn kho	4.10	9.50	-56.9%
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	11.2	16.0%
Tài sản dài hạn	**21,566**	**21,521**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	1,539	1,470	4.7%
Tài sản cố định	15,695	15,864	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	47.1	36.9	27.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4,047**	**3,904**	**3.7%**
Lợi thế thương mại	237	246	-3.5%
Nợ phải trả	17,626	17,779	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**1,916**	**1,762**	**8.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	721	601	19.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	371	390	-4.7%
Nợ dài hạn	15,710	16,017	-1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	12,141	12,367	-1.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,856**	**5,685**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**5,856**	**5,685**	**3.0%**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)